

Số: /2026/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy định về quản lý công viên, cây xanh,
mặt nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 71/2025/QH15, Luật số 144/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 67/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về trình tự, thủ tục trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý;

Căn cứ Thông tư số 69/2025/TT-BNNMT ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về danh mục loài ngoại lai xâm hại;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy định về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

2. Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy định về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB&TCTHPL);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Khối NC-TH;
- Phòng NN-XD (Bn);
- Lưu: VT, TH456/7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Văn Bi

QUY ĐỊNH

Quản lý công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau (Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý công viên, cây xanh và tổ chức không gian mặt nước gắn với cảnh quan tại đô thị và khu dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau; quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý hoặc tiếp nhận quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan nhà nước có liên quan đến quản lý công viên, cây xanh, tổ chức không gian mặt nước gắn với cảnh quan tại đô thị và khu dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau; quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh trên địa bàn tỉnh, gồm: Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ban Quản lý Khu kinh tế, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan nhà nước khác có liên quan.

b) Tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý hoặc tiếp nhận quản lý trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

c) Tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến quản lý, bảo vệ, sử dụng, khai thác công viên, cây xanh, mặt nước, bao gồm: đơn vị cung cấp dịch vụ quản lý, chăm sóc, duy trì công viên, cây xanh, mặt nước; các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực điện lực, viễn thông, thông tin liên lạc; cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân và các chủ thể khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý

1. Nguyên tắc chung về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước phải tuân thủ các quy định tại Điều 4 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP.

2. Công viên, cây xanh và tổ chức không gian mặt nước gắn với cảnh quan tại đô thị và khu dân cư nông thôn phải được xác định chủ sở hữu; được giao cho tổ chức, cá nhân quản lý hoặc được phân cấp quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Danh mục cây xanh sử dụng công cộng, cây xanh bảo tồn, cây cấm trồng

1. Danh mục cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn tỉnh Cà Mau được công bố theo Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Danh mục cây xanh cần bảo tồn trên địa bàn tỉnh Cà Mau được ban hành theo Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Danh mục cây cấm trồng theo Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này là các loài cây có khả năng gây nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của con người, gây ảnh hưởng lớn đến các công trình hạ tầng kỹ thuật và vệ sinh môi trường, cảnh quan trong đô thị. Cấm trồng các loài thực vật thuộc Danh mục loài ngoại lai xâm hại quy định tại Mục C Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 69/2025/TT-BNNMT.

4. Danh mục cây hạn chế trồng trong đô thị trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

5. Đối với cây xanh chưa có trong các danh mục quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này hoặc cây xanh du nhập từ nước ngoài, trước khi trồng phải xem xét, đánh giá nguồn gốc, xuất xứ, đặc tính sinh học và lấy ý kiến cơ quan quản lý để bảo đảm không làm gia tăng nguy cơ mất an toàn, ảnh hưởng đến môi trường và hệ sinh thái; từng bước rà soát, thay thế, loại bỏ cây xanh hiện hữu thuộc Danh mục cây cấm trồng theo quy định. Trường hợp chưa xác định rõ nguồn gốc, xuất xứ hoặc đặc tính sinh trưởng, phải tổ chức khảo nghiệm giống và trồng thí điểm trước khi xem xét áp dụng rộng rãi.

Chương II

QUẢN LÝ CÔNG VIÊN, CÂY XANH, MẶT NƯỚC

Điều 4. Quản lý, vận hành công viên

1. Việc quản lý công viên phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP.

2. Việc quản lý, vận hành công viên trong đô thị, ngoài việc đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này, còn phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Tổ chức khai thác, sử dụng công viên đúng mục đích theo quy hoạch chi tiết dự án đầu tư xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với các quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Thực hiện vận hành, duy tu, bảo dưỡng định kỳ hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong công viên theo đúng quy trình, quy chuẩn kỹ thuật và phương án quản lý, vận hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP.

c) Trường hợp trong phạm vi công viên có công trình hạ tầng phục vụ thoát nước đô thị được xây dựng (bao gồm hồ, hồ điều hòa, bể chứa nước ngầm, công trình xử lý nước thải ngầm), phải có giải pháp lưu trữ, tái sử dụng nước nhằm phục vụ tưới cây, rửa đường và các nhu cầu sử dụng nước khác theo yêu cầu thực tế.

d) Lắp đặt hệ thống camera giám sát và bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu quản lý và quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

đ) Việc quản lý các công trình ngầm được xây dựng trong phạm vi công viên phải tuân thủ quy định tại Điều 18 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP, pháp luật về quản lý không gian ngầm đô thị và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Quản lý cây xanh sử dụng công cộng

1. Việc quản lý cây xanh sử dụng công cộng được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP.

2. Quản lý, duy trì cây xanh sử dụng công cộng tại đô thị phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này và các yêu cầu sau đây:

a) Không trồng mới cây xanh có gai nhọn, cây ăn quả có khả năng rơi, rụng gây nguy hiểm; trường hợp đã trồng phải có biện pháp cảnh báo, bảo vệ và phải có kế hoạch chặt hạ, dịch chuyển, thay thế đối với cây xanh có gai nhọn, cây ăn quả có khả năng rơi, rụng gây nguy hiểm trong không gian đường phố.

b) Hằng năm, thực hiện cắt tỉa cây xanh sử dụng công cộng tại đô thị nhằm bảo đảm an toàn trong mùa mưa bão.

c) Việc trồng, chăm sóc, cắt tỉa, bảo vệ, chặt hạ và dịch chuyển cây xanh phải tuân thủ đúng quy trình, quy chuẩn kỹ thuật về quản lý, duy trì cây xanh sử dụng công cộng theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP.

Điều 6. Quản lý cây xanh sử dụng hạn chế, cây xanh chuyên dụng, cây xanh cần bảo tồn

1. Việc quản lý cây xanh sử dụng hạn chế được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP.

2. Việc quản lý cây xanh chuyên dụng được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP.

3. Việc quản lý cây xanh cần bảo tồn được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP; Danh mục cây xanh cần bảo tồn trên địa bàn tỉnh Cà Mau được quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này.

Điều 7. Quản lý mặt nước

1. Việc quản lý hồ, mặt nước phải tuân thủ quy định tại Điều 17 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP, pháp luật về tài nguyên nước, thoát nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Việc quản lý mặt nước trong công viên và khu dân cư phải bảo đảm vệ sinh môi trường, an toàn và phù hợp quy hoạch.

3. Không được lấn chiếm, sử dụng trái phép mặt nước.

Điều 8. Chặt hạ, dịch chuyển cây xanh

1. Việc chặt, dịch chuyển cây xanh được thực hiện theo quy định tại Điều 27 của Nghị định số 258/2025/NĐ-CP và các quy định liên quan.

2. Phân cấp thẩm quyền cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh như sau:

a) Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh thực hiện cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

b) Đối với cây xanh thuộc danh mục cây xanh cần bảo tồn, trước khi cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh, cơ quan được phân cấp có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến Sở Xây dựng để lấy ý kiến làm cơ sở xem xét, quyết định.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 9. Quản lý chi phí dịch vụ về quản lý công viên, cây xanh

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn việc quản lý chi phí dịch vụ quản lý công viên, cây xanh trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp vượt thẩm quyền thì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc hướng dẫn theo thẩm quyền.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự toán các chi phí dịch vụ về quản lý, bảo trì, vận hành các công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn được phân cấp, giao quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quy cách trồng cây

Cây xanh trồng trên đường phố theo quy cách sau:

1. Đối với các tuyến đường lớn có chiều rộng hè phố trên 5,0m chỉ được trồng các loại cây có độ cao tối đa khoảng 15,0m.

2. Đối với các tuyến đường trung bình có chiều rộng hè phố từ 3,0m đến 5,0m chỉ được trồng các loại cây có độ cao tối đa không quá 12,0m.

3. Đối với các tuyến đường nhỏ có chiều rộng hè phố hẹp dưới 3,0m, đường cải tạo, bị khống chế về mặt bằng và không gian thì cần tận dụng những cây hiện có hoặc trồng tại những vị trí thừa công trình, ít vướng đường dây trên không và không gây hư hại các công trình sẵn có, có thể trồng dây leo theo trụ hoặc đặt chậu cây.

4. Khoảng cách giữa các cây trồng được quy định tùy thuộc vào việc phân loại cây hoặc theo từng vị trí cụ thể của quy hoạch trên khu vực, đoạn đường. Chú ý trồng cây ở khoảng trước tường ngăn giữa hai nhà phố, tránh trồng giữa cổng hoặc trước chính diện nhà dân đối với những nơi có chiều rộng hè phố dưới 5,0m.

5. Khoảng cách các cây được trồng tính từ mép lề đường từ 0,6m đến 1,0m căn cứ theo tiêu chuẩn phân loại cây.

6. Cây xanh đường phố và các dải cây phải hình thành một hệ thống cây xanh liên tục và hoàn chỉnh, không trồng quá nhiều loại cây trên một tuyến phố. Trồng từ một đến hai loại cây xanh đối với các tuyến đường, phố có chiều dài dưới 2km. Trồng từ một đến ba loại cây đối với các tuyến đường, phố có chiều dài từ 2km trở lên hoặc theo từng cung, đoạn đường.

7. Đối với các dải phân cách có bề rộng dưới 2,0m chỉ trồng cỏ, các loại cây bụi thấp, cây cảnh. Các dải phân cách có bề rộng từ 2,0m trở lên có thể trồng các loại cây thân thẳng có chiều cao và bề rộng tán lá không gây ảnh hưởng đến an

toàn giao thông, trồng cách điểm đầu dải phân cách, đoạn qua lại giữa hai dải phân cách khoảng 3,0m đến 5,0m để đảm bảo an toàn giao thông.

8. Tại các trụ cầu, cầu vượt, bờ tường nghiên cứu thiết kế bố trí trồng dây leo để tạo thêm nhiều mảng xanh cho đô thị, có khung với chất liệu phù hợp cho dây leo để bảo vệ công trình. Tại các nút giao thông quan trọng ngoài việc phải tuân thủ các quy định về bảo vệ an toàn giao thông cần tổ chức trồng cỏ, cây bụi, hoa tạo thành mảng xanh tăng vẻ mỹ quan đô thị.

9. Cây xanh được trồng cách các góc phố 5,0m đến 8,0m tính từ điểm lề đường giao nhau gần nhất, không gây ảnh hưởng đến tầm nhìn giao thông.

10. Cây xanh được trồng cách các hống cứu hoả trên đường 2,0m đến 3,0m; cách cột đèn chiếu sáng và miệng hố ga 1,0m đến 2,0m.

11. Cây xanh được trồng cách mạng lưới đường dây, đường ống kỹ thuật (cấp nước, thoát nước, cáp ngầm) từ 1,0m đến 2,0m.

12. Cây xanh được trồng dọc mạng lưới đường dây dẫn điện phải đảm bảo hành lang an toàn lưới điện theo quy định của pháp luật về điện lực và bảo vệ công trình điện lực hiện hành.

13. Cây xanh được trồng không che khuất biển, đèn tín hiệu giao thông, trường hợp tán cây rộng che khuất biển, đèn tín hiệu giao thông thì phải di dời cây hoặc cắt tỉa tán cây để đảm bảo tầm quan sát.

Chương III

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CÔNG VIÊN, CÂY XANH DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ

Điều 11. Nguyên tắc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh

1. Nguyên tắc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP.

2. Tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý được Nhà nước giao cho đơn vị quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP. Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản được thực hiện theo cơ chế thị trường, phù hợp với tính chất, công năng của tài sản và quy định của pháp luật.

Điều 12. Phân công quản lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh

1. Ủy ban nhân dân các xã, phường quản lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh trên địa bàn được giao quản lý, bao gồm: Tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh được đầu tư mới do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư; tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh hình thành từ các dự án đầu tư xây dựng đã hoàn thành và được bàn giao cho Nhà nước quản lý theo quy định của pháp luật; tài sản kết cấu hạ tầng công viên được đầu tư theo phương thức đối tác công tư được

chuyển giao cho Nhà nước theo quy định của pháp luật; tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh đã được hình thành trước ngày 01/7/2025.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế quản lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh trong phạm vi các khu kinh tế trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Xây dựng quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cây xanh sử dụng công cộng được hình thành từ dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước khi được các chủ đầu tư dự án đề nghị bàn giao cho Nhà nước quản lý theo quy định của pháp luật. Sau đó, rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao cho Ủy ban nhân dân các xã, phường quản lý theo quy định.

4. Trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý và trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định như sau:

a) Chủ đầu tư dự án phát triển công viên, cây xanh có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị giao quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh được đầu tư xây dựng mới;

b) Đơn vị đang quản lý tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị giao quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh hiện có hoặc tài sản được bàn giao cho Nhà nước quản lý.

c) Trình tự thủ tục giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Chương IV

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG VIÊN, CÂY XANH, MẶT NƯỚC

Điều 13. Sở Xây dựng

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan: lập, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án phát triển công viên, cây xanh và mặt nước đô thị theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng và quy định của pháp luật; tổ chức lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công viên, cây xanh đô thị theo quy định hiện hành; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế khuyến khích đầu tư phát triển công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn tỉnh và cơ chế đối với mô hình tự quản công viên, cây xanh tại khu dân cư nông thôn theo quy định; xây dựng cơ sở dữ liệu để phục vụ công tác quản lý, quy hoạch, đầu tư phát triển công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn tỉnh; cập nhật, tổng hợp và quản lý cơ sở dữ liệu về công viên, cây xanh, mặt nước theo quy định; định kỳ hằng năm, trước ngày 15 tháng 12, tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình quản lý, phát triển công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn tỉnh.

3. Rà soát danh mục cây xanh cần bảo tồn và danh mục cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế (nếu cần thiết) theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện kiểm tra, hướng dẫn, chấn chỉnh và xử lý vi phạm đối với các hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển công viên, cây xanh và tổ chức không gian mặt nước gắn với cảnh quan tại đô thị và khu dân cư nông thôn theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

5. Tham gia ý kiến chuyên ngành trong quá trình góp ý, thẩm định hồ sơ thiết kế cơ sở các dự án đầu tư có liên quan đến công viên, cây xanh, mặt nước theo thẩm quyền.

6. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện yêu cầu quản lý công viên, cây xanh, mặt nước bảo đảm phù hợp với quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn; chủ trì rà soát, cập nhật các chỉ tiêu, tiêu chuẩn về đất cây xanh, công viên, mặt nước trong các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, bảo đảm đáp ứng tỷ lệ theo quy định.

7. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác, đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Hướng dẫn việc nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh tại các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước khi được các chủ đầu tư dự án đề nghị bàn giao cho nhà nước quản lý theo quy định của pháp luật.

9. Phối hợp với các sở, ngành, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu trong việc nghiên cứu, tuyển chọn, dẫn nhập, nhân giống, lai tạo và phát triển nguồn giống cây xanh nhằm đa dạng hóa chủng loại, nâng cao chất lượng hệ thống cây xanh trên địa bàn tỉnh.

10. Phối hợp với các sở, ngành, đoàn thể tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc bảo vệ, chăm sóc và phát triển công viên, cây xanh, mặt nước; vận động, thu hút đầu tư, triển khai thực hiện chủ trương xã hội hóa trong quản lý và phát triển công viên, cây xanh, mặt nước theo quy định.

11. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định pháp luật về công viên, cây xanh, mặt nước; phối hợp xử lý hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm theo quy định pháp luật và phân cấp quản lý.

Điều 14. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức theo dõi, đánh giá tác động của các dự án đầu tư phát triển công viên, cây xanh đối với việc hấp thụ lượng các-bon phát thải và tạo ra những ảnh hưởng tích cực khác về môi trường;

2. Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, vận động các nhà đầu tư tham gia thị trường các-bon theo quy định; hằng năm, tổ chức thực hiện các hoạt động hưởng ứng Ngày cây xanh Việt Nam.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đánh giá, thống kê lượng tín chỉ các-bon hình thành từ hệ thống công viên và cây xanh trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật có liên quan (khi có hướng dẫn của Trung ương).

4. Phối hợp với Sở Xây dựng rà soát danh mục cây xanh cần bảo tồn và danh mục cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn tỉnh; tham gia ý kiến chuyên môn để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế (nếu cần thiết) theo quy định của pháp luật.

5. Hướng dẫn phát triển nguồn giống, chủng loại cây xanh nhằm đa dạng hóa hệ thống cây xanh; hướng dẫn phát triển và quản lý vườn ươm cây xanh đáp ứng nhu cầu cây xanh trên địa bàn tỉnh theo quy định.

6. Hướng dẫn, khuyến cáo các tổ chức, cá nhân được giao quản lý cây xanh trong việc theo dõi, phát hiện, phòng ngừa sinh vật gây hại; hướng dẫn việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật thân thiện với môi trường trong công tác chăm sóc, duy trì cây xanh đô thị theo quy định của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

7. Hướng dẫn hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện các nội dung liên quan đến quản lý, sử dụng đất có mặt nước, tài nguyên nước mặt và bảo vệ đa dạng sinh học trong đô thị và khu dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai, tài nguyên nước và đa dạng sinh học.

8. Phối hợp với các sở, ngành, đoàn thể tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc bảo vệ, chăm sóc và phát triển cây xanh; vận động, thu hút đầu tư, triển khai thực hiện chủ trương xã hội hóa trong quản lý và phát triển cây xanh theo quy định.

9. Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng đơn giá bồi thường giá cây xanh bị chặt hạ và tổ chức thẩm định, phê duyệt đơn giá bồi thường giá trị cây xanh bị chặt hạ theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan: căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kế hoạch vốn hằng năm để xây dựng đề án, đầu tư phát triển, quản lý, vận hành, duy trì công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn tỉnh; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính đối với tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý; hướng dẫn việc điều chuyển tài sản, quản lý tính hao mòn, trích khấu hao, lập hồ sơ, thống kê, kế toán, kiểm kê, đánh giá lại và báo cáo đối với tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chính sách khuyến khích đầu tư phát triển công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn tỉnh và chính sách đối với mô hình tự quản công viên, cây xanh tại khu dân cư nông thôn theo quy định.

2. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức có liên quan: thực hiện trình tự, thủ tục tạm ứng, thanh toán, quyết toán kinh phí đối với sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực công viên, cây xanh, mặt

nước được thực hiện theo hình thức đấu thầu, đặt hàng; quản lý, sử dụng, thanh lý và quyết toán các khoản thu phát sinh từ hoạt động cắt tỉa, chặt hạ cây xanh đô thị theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan công bố danh mục các dự án đầu tư phát triển công viên, cây xanh, mặt nước kêu gọi hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP.

Điều 16. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ; hỗ trợ xây dựng, hoàn thiện và kết nối hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý công viên, cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh, bảo đảm đồng bộ với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và nền tảng công nghệ dùng chung của tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức có liên quan tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch, lễ hội và sinh hoạt cộng đồng trong công viên, cây xanh đô thị và không gian mặt nước gắn với cảnh quan tại đô thị và khu dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức có liên quan tổ chức phổ biến, lồng ghép nội dung về trồng, phát triển, bảo vệ cây xanh, mặt nước và pháp luật về công viên, cây xanh, mặt nước vào chương trình giảng dạy và các hoạt động giáo dục trong cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, bảo đảm phù hợp với từng ngành học, cấp học.

Điều 19. Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Chỉ đạo Phòng Kinh tế; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tham mưu Ủy ban nhân dân các xã, phường: Thực hiện công tác lập, phê duyệt kế hoạch quản lý, duy trì cây xanh sử dụng công cộng; lập dự toán kinh phí quản lý, vận hành công viên, kinh phí quản lý, duy trì cây xanh sử dụng công cộng, kinh phí lập, điều chỉnh quy trình quản lý, duy trì cây xanh sử dụng công cộng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức thực hiện hoặc giao đơn vị có chức năng thực hiện công tác quản lý, bảo trì, vận hành công viên, cây xanh và tổ chức không gian mặt nước gắn với cảnh quan tại đô thị và khu dân cư nông thôn trên địa bàn quản lý theo quy định; lập, phê duyệt kế hoạch quản lý, vận hành công viên.

2. Phòng Kinh tế; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị trực thuộc tham mưu Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện việc cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền được phân cấp.

3. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc đầu tư phát triển, quản lý, sử dụng và khai thác công viên, cây xanh, mặt nước; thực hiện kiểm tra và xử lý các hành vi vi

phạm pháp luật trong lĩnh vực công viên, cây xanh, mặt nước theo thẩm quyền; kịp thời ngăn chặn, xử lý tình trạng lấn chiếm, sử dụng trái phép đất công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn.

4. Tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo trì, vận hành hệ thống công viên, cây xanh, mặt nước, quản lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh trên địa bàn quản lý theo quy định; lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ về quản lý công viên, cây xanh theo đúng quy định của pháp luật về cung cấp sản phẩm, dịch vụ công và quy định pháp luật có liên quan.

5. Tổ chức thực hiện các quy định về bảo vệ, chăm sóc, duy trì công viên, cây xanh trên địa bàn quản lý; tăng cường tuyên truyền, vận động, phổ biến đến các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình về trách nhiệm bảo vệ cây xanh công cộng, đặc biệt là cây xanh trên vỉa hè trước nhà; áp dụng các biện pháp phù hợp để khuyến khích, huy động sự tham gia của cộng đồng trong việc hỗ trợ đầu tư, phát triển công viên, cây xanh, mặt nước.

6. Định kỳ hằng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng về tình hình quản lý, bảo vệ, chăm sóc và duy trì công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn quản lý trước ngày 01 tháng 12.

7. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn trực thuộc tổ chức xây dựng, cập nhật và quản lý cơ sở dữ liệu về công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn quản lý; thực hiện chế độ báo cáo tình hình quản lý, bảo vệ, chăm sóc và duy trì công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn quản lý, gửi dữ liệu về Sở Xây dựng trước ngày 01 tháng 12 hằng năm để tổng hợp, theo dõi; lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật và cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý công viên, cây xanh theo hướng dẫn của Sở Xây dựng.

Điều 20. Ngành Điện lực, Thông tin và Truyền thông

1. Trong quá trình thi công, cải tạo, sửa chữa hoặc xử lý kỹ thuật các công trình hạ tầng có liên quan, các đơn vị thuộc ngành Điện lực và ngành Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm thông báo và phối hợp chặt chẽ với cơ quan, tổ chức được giao quản lý công viên, cây xanh, mặt nước và đơn vị đang thực hiện dịch vụ quản lý công viên, cây xanh, mặt nước nhằm bảo đảm yêu cầu về kỹ thuật, mỹ quan đô thị và an toàn đối với hệ thống cây xanh, kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh.

2. Ngành Điện lực có trách nhiệm ưu tiên bảo đảm cung cấp điện ổn định, an toàn cho hệ thống chiếu sáng và các hoạt động sinh hoạt công cộng tại các công viên công cộng theo quy định của pháp luật về điện lực và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 21. Nhà đầu tư dự án phát triển công viên

1. Việc khai thác phần diện tích đất trong công viên có mục đích kinh doanh thuộc dự án công viên do nhà đầu tư thực hiện phải tuân thủ quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP.

2. Nhà đầu tư có trách nhiệm tổ chức lập, phê duyệt và giám sát việc thực hiện quy trình quản lý, vận hành công viên do mình đầu tư, quản lý theo quy định

tại khoản 5 Điều 16 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP; được trực tiếp thực hiện hoặc thuê tổ chức, cá nhân đủ điều kiện thực hiện dịch vụ quản lý, vận hành công viên do mình đầu tư cho đến khi hoàn thành việc bàn giao cho Nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP.

3. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời dữ liệu, hồ sơ liên quan đến công viên, cây xanh, mặt nước do mình quản lý cho Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân các xã, phường nơi có công trình để phục vụ công tác quản lý, theo dõi và tổng hợp theo quy định.

Điều 22. Trách nhiệm của công dân, cộng đồng

Công dân, cộng đồng dân cư có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo vệ, chăm sóc, sử dụng công viên, cây xanh, mặt nước theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 23. Đơn vị thực hiện dịch vụ quản lý công viên, cây xanh

1. Quyền của đơn vị thực hiện dịch vụ quản lý công viên, cây xanh:

a) Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế – kỹ thuật liên quan đến công tác quản lý, duy trì công viên, cây xanh;

b) Đề xuất điều chỉnh quy trình quản lý, vận hành công viên, quản lý, duy trì cây xanh sử dụng công cộng nhằm bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn và yêu cầu quản lý;

c) Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật và nội dung hợp đồng, quyết định đặt hàng của cơ quan có thẩm quyền.

2. Nghĩa vụ của đơn vị thực hiện dịch vụ quản lý công viên, cây xanh:

a) Tổ chức quản lý, vận hành công viên; quản lý, duy trì cây xanh sử dụng công cộng theo quy trình được phê duyệt và các yêu cầu theo quy định của pháp luật;

b) Quản lý, bảo vệ tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh được giao trong quá trình thực hiện dịch vụ;

c) Tổ chức thực hiện việc trồng, phát triển cây xanh sử dụng công cộng theo kế hoạch, nhiệm vụ được giao trong hợp đồng hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Theo dõi tình trạng sinh trưởng, phát triển của cây xanh; lập và trình phê duyệt kế hoạch cắt tỉa, chặt hạ, dịch chuyển cây xanh theo quy định, đồng thời tổ chức thực hiện sau khi được chấp thuận;

đ) Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về công viên, cây xanh;

e) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình quản lý công viên, cây xanh với cơ quan quản lý nhà nước;

g) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Quyết định này.
2. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh; nhà đầu tư phát triển công viên; các đơn vị quản lý công viên, cây xanh, mặt nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp và tổ chức thực hiện các quy định tại Quyết định này theo quy định của pháp luật.
3. Sở Xây dựng chủ trì các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung của Quyết định này nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận và khuyến khích các tổ chức, cá nhân và Nhân dân tham gia thực hiện.
4. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, nhà đầu tư, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Phụ lục I
DANH MỤC CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày /7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Loài cây		Chiều cao thân (m)	Đường kính tán (m)	Chu kỳ sinh trưởng	
	Tên Việt Nam	Tên khoa học			Kỳ rụng lá (tháng)	Kỳ nở hoa (tháng)
1	Bách tán	<i>Araucaria excelsa R.Br</i>	40	4-8	-	4-5
2	Bằng lăng	<i>Lagerstroemia flosreginae retz</i>	15-20	8-10	2-3	5-7
3	Bụt mọc	<i>Taxodium distichum Rich</i>	10-15	5-7	2-3	4-5
4	Cẩm lai (Cẩm lai Bà Rịa)	<i>Dalbergia oliveri</i>	15-30	8-15	-	-
5	Chiêu liêu	<i>Terminalia tomentosa wight</i>	15-30	8-15	3-4	5-6
6	Chò nâu	<i>Dipterocarpus tonkinensis chev</i>	30-40	6-10	-	8-9
7	Chuông vàng	<i>Tabebuia aurea</i>	5-8	4-6	-	3-5
8	Dầu nước (Dầu con rái)	<i>Dipterocarpus alatus</i>	20-30	8-10	-	5-6
9	Đài loan tương tư	<i>Acacia confusa merr</i>	8-10	5-6	-	6-10
10	Gáo	<i>Sarcocephalus cordatus miq</i>	18	8-10	-	4-5
11	Gỗ đỏ (Cà te)	<i>Azelia xylocarpa</i>	30-40	8-10	-	-
12	Gỗ mật (Gụ mật)	<i>Sindora siamensis</i>	30-35	8-10	-	-
13	Giáng hương (Dáng hương)	<i>Pterocarpus pedatus pierre</i>	20-25	8-10	3-4	-
14	Giáng hương trái to	<i>Pterocarpus macrocarpus</i>	25-35	8-10	3-4	-
15	Hoàng lan (Ngọc lan tây)	<i>Michelia champaca Linn</i>	15-20	6-8	-	5-6

TT	Loài cây		Chiều cao thân (m)	Đường kính tán (m)	Chu kỳ sinh trưởng	
	Tên Việt Nam	Tên khoa học			Kỳ rụng lá (tháng)	Kỳ nở hoa (tháng)
16	Hoàng nam	<i>Polyalthia longifolia</i>	5-10	1-2	-	-
17	Kim giao	<i>Podocarpus wallichianus C.presl</i>	10-15	6-8	-	5-6
18	Liễu	<i>Salix babylonica Linn</i>	7-10	4-6	1-3	4-5
19	Lim xanh	<i>Erythrophleum fordii</i>	30-35	7-8	-	-
20	Lim xẹt (Lim vàng)	<i>Peltophorum tonkinensis A.Chev</i>	25	7-8	1-3	5-7
21	Đại phong tử	<i>Hydnocarpus anthelmintica pierre</i>	15-20	8-15	-	1-3
22	Long não	<i>Cinnamomum camphora nees et ebern</i>	15-20	8-15	-	3-5
23	Lộc vùng	<i>Barringtonia racemosa Roxb</i>	10-12	8-10	2-3	4-10
24	Mai anh đào (Hoa anh đào)	<i>Prunus serrulata</i>	5-7	4-6	10-12	1-3
25	Mai vàng	<i>Ochna integerrima</i>	2-5	2-5	-	-
26	Me tây (Còng)	<i>Samanea saman</i>	15-25	15-25	-	1-6
27	Móng bò tím	<i>Banhinia purpureaes l.</i>	8-10	4-5	-	8-10
28	Mỡ	<i>Manglietia glauca bl.</i>	10-12	2-3	-	1-2
29	Muối	<i>Mangifera foetida lour</i>	15-20	8-12	-	2-3
30	Muồng đen	<i>Cassia siamea lamk</i>	15-20	10-12	-	6-7
31	Muồng hoa đào	<i>Cassia nodosa Linn</i>	10-15	10-15	4	5-8
32	Muồng hoàng yến (bò cạp nước)	<i>Cassia fistula l.</i>	15	10	-	6-9
33	Muồng ngủ	<i>Pithecolobium saman benth</i>	15-20	30-40	1-3	6-7

TT	Loài cây		Chiều cao thân (m)	Đường kính tán (m)	Chu kỳ sinh trưởng	
	Tên Việt Nam	Tên khoa học			Kỳ rụng lá (tháng)	Kỳ nở hoa (tháng)
34	Núc nác	<i>Oroxylum indicum vent</i>	15-20	9-12	-	6-9
35	Ngọc lan	<i>Michelia alba de</i>	15-20	5-8	-	5-9
36	Nhạc ngựa (Dải ngựa lá to)	<i>Swietenia mahogani jacq</i>	15-20	6-10	1-2	4-5
37	Nhãn	<i>Euphoria longan (lour) steud</i>	8-10	7-8	-	2-4
38	Nhội	<i>Bischofia trifolia hook f.</i>	10-15	6-10	-	2-3
39	Nhựa ruồi	<i>Ilex rotunda thunb</i>	20	6-8	-	4-5
40	Phi lao (Dương)	<i>Casuarina equisetifolia</i>	15-25	6-8	-	-
41	Phượng vĩ	<i>Delonix regia raf</i>	12-15	8-15	1-4	5-7
42	Sanh	<i>Ficus indiacae Linn</i>	15-20	6-12	-	6-7
43	Sao đen	<i>Hopea odorata roxb</i>	20-25	8-10	2-3	4
44	Sao xanh (Sang đào)	<i>Hopea ferrea</i>	20-25	8-10	-	-
45	Sau sau	<i>Liquidambar formosana hance</i>	20-30	8-15	-	3-4
46	Sếu (cơm nguội)	<i>Celtis sinensis person</i>	15-20	6-8	12-3	2-3
47	Sì (Gừa)	<i>Ficus benjamina Linn</i>	10-20	6-8	-	6-7
48	Sung	<i>Ficus glomerata Roxb</i>	10-15	8-10	-	-
49	Tếch (Giá ty)	<i>Tectona grandis Linn</i>	20-25	6-8	1-3	6-10
50	Thông nhựa hai lá	<i>Pinus merkusii</i>	30	8-10	-	5-6

TT	Loài cây		Chiều cao thân (m)	Đường kính tán (m)	Chu kỳ sinh trưởng	
	Tên Việt Nam	Tên khoa học			Kỳ rụng lá (tháng)	Kỳ nở hoa (tháng)
51	Trám đen	<i>Canarium nigrum engler</i>	10-15	7-10	-	1-2
52	Trầm hương (Dó bầu)	<i>Aquilaria crassna</i>	10-20	6-10	-	-
53	Vàng anh	<i>Saraca dives pierre</i>	7-12	8-10	-	1-3

Phụ lục II
DANH MỤC CÂY XANH CẦN BẢO TỒN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày /7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Vị trí	Tên tiếng việt	Tên khoa học	Toạ độ (X, Y)
*	Đô thị Cà Mau:			
1	Đường Lưu Tấn Tài, phường Tân Thành	Còng	<i>Samanea saman</i>	9.178925409277861, 105.15089351312153
2	Đường trước cổng Tỉnh ủy, phường Tân Thành	Còng	<i>Samanea saman</i>	9.17789286402591, 105.1524458888839
3	Khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, phường An Xuyên	Sanh	<i>Ficus benjamina</i>	9.183299199517194, 105.13545998631977
4	Khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, phường An Xuyên	Đa	<i>Ficus benghalensis</i>	9.183923989276082, 105.13515337485285
5	Trường THPT Cà Mau, phường An Xuyên	Còng	<i>Samanea saman</i>	9.179441968116386, 105.1450303946441
*	Đô thị Bạc Liêu:			
6	Đường Điện Biên Phủ, phường Bạc Liêu	Cây Còng	<i>Samanea saman</i>	9.282151661227728, 105.72206553242961
7	Đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bạc Liêu	Cây Còng	<i>Samanea saman</i>	9.28371759912775, 105.72836974962259
8	Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sĩ, phường Bạc Liêu	Si	<i>Ficus benjamina</i>	9.294495423640681, 105.72353626672103
9	Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sĩ, phường Bạc Liêu	Si	<i>Ficus benjamina</i>	9.294526525829111, 105.7235295611985
10	Miếu Huyện Thiên Thượng Đế, phường Vĩnh Trạch	Xoài cổ thụ	<i>Mangifera indica</i>	9.247826075733194, 105.78137755132288

*	<i>Các xã</i>			
11	Đường Lê Duẩn (chợ Thới Bình), xã Thới Bình.	Còng	<i>Samanea saman</i>	9.34732004407813, 105.08949013956192

Ghi chú:

- Cây cổ thụ: Là cây thân gỗ lâu năm được trồng hoặc mọc tự nhiên, có độ tuổi tối thiểu 50 năm.
- Cây xoài cổ thụ đang được phường Vĩnh Trạch chăm sóc, bảo tồn và phục vụ khách du lịch đến tham quan (thuộc quyền sở hữu, quản lý của Ban trị sự miếu Huyện Thiên Thượng Đế).
- Đối với cây còng, cây xà cừ: Cơ quan quản lý xem xét thay thế có lộ trình đối với các loại cây già cỗi, mục rỗng gây nguy hiểm bằng các loại cây phù hợp với điều kiện khí hậu của địa phương, có bộ rễ ít ảnh hưởng kết cấu hạ tầng và thuận tiện trong công tác quản lý.

Phụ lục III
DANH MỤC CÂY CẤM TRỒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày /7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Loài cây		Họ thực vật	Lý do cấm trồng
	Tên Việt Nam	Tên khoa học		
1	Bã đậu (Vòng đồng)	<i>Hura crepitans</i> L	Euphorbiaceae	Cây có nhựa và hạt chứa độc tố
2	Bồ hòn	<i>Sapindus mukorossi</i>	Sapindaceae	Quả có chứa chất độc
3	Bồ kết	<i>Gleditsia triacanthos</i>	Fabaceae	Thân có nhiều gai rất to
4	Cao su	<i>Hevea brasiliensis</i>	Euphorbiaceae	Cành nhánh giòn, dễ gãy
5	Cô ca cảnh	<i>Erythroxylum novogranatense</i>	Erythroxylaceae	Lá có chất cocaine gây nghiện
6	Gòn (Bông gạo)	<i>Ceiba pentandra</i> Gaertn	Malvaceae	Cành nhánh giòn, dễ gãy; quả chín phát tán ảnh hưởng vệ sinh đường phố
7	Lòng mứt (các loại)	<i>Wrightia</i>	Apocynaceae	Quả chín phát tán, hạt có lông ảnh hưởng môi trường
8	Mã tiền	<i>Strychnos nux-vomica</i>	Loganiaceae	Hạt có chứa chất độc
9	Me keo	<i>Pithecellobium dulce</i>	Fabaceae	Thân và cành nhánh có nhiều gai
10	Ô đầu (củ gấu tàu)	<i>Aconitum carmichaeli</i> Debeaux	Ranunculaceae	Cây có độc tố.
11	Sala (Tha la, vô ưu, đầu lân, hàm rồng)	<i>Couroupita guianensis</i>	Lecythidaceae	Quả chín có mùi hôi.
12	Xiro	<i>Carissa carandas</i>	Apocynaceae	Thân và cành nhánh có nhiều gai
13	Sò đo cam	<i>Spathodea Campanulata</i>	Bignoniaceae	Loài thuộc danh mục loài ngoại lai xâm nhập
14	Sung Nam bộ, Sơn lu	<i>Semecarpus cochinchinensis</i>	Anacardiaceae	Nhựa cây có chất làm ngứa, lở loét da
15	Tỏi độc	<i>Colehicum autumnale</i> L.	Colchicaceae	Toàn bộ thân cây tỏi có độc tố gây tử vong cho người và gia súc nếu ăn phải.

STT	Loài cây		Họ thực vật	Lý do cấm trồng
	Tên Việt Nam	Tên khoa học		
16	Thông thiên	<i>Thevetia peruviana</i>	Apocynaceae	Hạt, lá, hoa, vỏ cây đều có chứa chất độc
17	Trâm ổi (Bông ổi, Ngũ sắc)	<i>Lantana camara</i> L.	<i>Verbenaceae</i>	Loài thuộc danh mục loài ngoại lai xâm nhập
18	Trúc đào	<i>Nerium oleander</i>	Apocynaceae	Thân và lá có chất độc

Phụ lục IV
DANH MỤC CÂY HẠN CHẾ TRỒNG TRONG ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày /7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Cây hạn chế trồng là cây ăn quả, cây tạo ra mùi khó chịu hoặc cây có rễ ăn nổi, rễ phụ phát triển mạnh làm hư hại, mất mỹ quan công trình... Tuy nhiên, những cây này phù hợp trồng tại một số khu vực, công trình có đặc thù nhất định: Khu dân cư, công viên, chùa...

TT	Loài cây		Họ thực vật	Lý do hạn chế trồng	Biện pháp hạn chế
	Tên Việt Nam	Tên khoa học			
1	Bàng	<i>Terminalia catappa</i>	Combretaceae	Dễ bị sâu (gây ngứa khi rụng phải)	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị
2	Bạch đàn (các loại)	<i>Eucalyptus spp.</i>	<i>Myrtaceae</i>	Cây cao, tán thưa ít phát huy tác dụng bóng mát.	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị
3	Các loài cây ăn quả			Cây có quả khuyến khích trẻ em leo trèo; quả rụng ảnh hưởng vệ sinh đường phố	Khi trồng với mục đích sử dụng công cộng phải có biện pháp bảo vệ phù hợp
4	Cau vua (Cau búng)	<i>Roystonea regia</i> (O.F. Cook)	<i>Arecaceae</i>	Rễ, lá, to cứng gây nguy hiểm cho người đi đường, công trình và phương tiện.	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị
5	Dừa	<i>Cocos nucifera</i> L.	<i>Arecaceae</i>	Cây có quả lớn, có nguy cơ rơi gây mất an toàn, chỉ nên trồng dọc các bờ kênh, tuyến rạch, sông chưa được bê tông hóa.	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị
6	Đa, Da, Đề, Sanh, Sung, Si, Gừa	<i>Ficus</i>	Moraceae	Có rễ phụ làm hư hại công trình; dạng quả sung ảnh hưởng vệ sinh đường phố	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị
7	Đùng đỉnh	<i>Caryota mitis</i>	<i>Arecaceae</i>	Quả có chất gây ngứa	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị

TT	Loài cây		Họ thực vật	Lý do hạn chế trồng	Biện pháp hạn chế
	Tên Việt Nam	Tên khoa học			
8	Điệp phèo heo	<i>Enterolobium cyclocarpum</i>	Fabaceae	Rễ mọc ngang, lồi trên mặt đất gây hư hại vỉa hè và các công trình hạ tầng kỹ thuật; cành nhánh giòn dễ gãy	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị
9	Gáo	<i>Sarcocephalus cordatus</i> Miq	Rubiaceae	Cành nhánh giòn, dễ gãy; quả rụng ảnh hưởng vệ sinh đường phố	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị
10	Huỳnh liên (Sò đo bông vàng)	<i>Tecoma stans</i>	Bignoniaceae	Cành nhánh mềm, dễ gãy đổ khi mưa bão	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị
11	Keo (các loại)	<i>Acacia</i>	Mimosoideae	Cành nhánh giòn, dễ gãy	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị
12	Lọ nôi (Đại phong tử)	<i>Hydnocarpus anthelmintica</i>	Flacourtiaceae	Quả to, rụng gây nguy hiểm	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị
13	Me	<i>Tamarindus indica</i> L.	Fabaceae	Cây có quả khuyến khích trẻ em leo trèo; lá, bông rụng nhiều ảnh hưởng vệ sinh đường phố	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị
14	Mù u	<i>Calophyllum inophyllum</i>	Calophyllaceae	Thân cây thường có dáng nghiêng; quả rụng nhiều ảnh hưởng vệ sinh đường phố	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị
15	Phượng vĩ	<i>Delonix regia</i>	Fabaceae	Cây rễ nổi làm hư hỏng vỉa hè hay bị mục, rỗng gốc, nguy cơ mất an toàn.	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị
16	Sa kê (cây bánh mì)	<i>Artocarpus altilis</i> Fosb	Moraceae	Không phù hợp cảnh quan đường phố, trồng trong khuôn viên vườn hoa, khu dân cư.	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị
17	Sưa (Trắc thối, Huê mộc vàng)	<i>Dalbergia tonkinensis</i> Prain	Fabaceae	Cây quý hiếm có nguy cơ bị mất cấp, độ che bóng ít.	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị
18	Sữa (Mò cua)	<i>Alstonia scholaris</i>	Apocynaceae	Hoa có mùi gây khó chịu; cành nhánh giòn, dễ gãy	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị
19	Thông (các loại)	<i>Pinus</i>	Pinaceae	Cây có sâu bướm gây dị ứng mạnh khi tiếp xúc	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị

TT	Loài cây		Họ thực vật	Lý do hạn chế trồng	Biện pháp hạn chế
	Tên Việt Nam	Tên khoa học			
20	Tre	<i>Bambuseae</i>	Poaceae	Cây có nhiều nhánh nhỏ thấp, phát triển bụi rậm	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị
21	Trôm	<i>Sterculia foetida</i>	Sterculiaceae	Quả to, hoa có mùi	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị
22	Trúng cá	<i>Muntingia calabura</i>	Muntingiaceae	Quả khuyến khích trẻ em leo trèo; quả rụng ảnh hưởng vệ sinh môi trường	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị; khi trồng với mục đích sử dụng công cộng khác phải có biện pháp bảo vệ phù hợp
23	Xà cừ (Sọ khi)	<i>Khaya senegalensis</i> <i>A.Juss</i>	Meliaceae	Rễ mọc ngang, lồi trên mặt đất gây hư hại vỉa hè và các công trình hạ tầng kỹ thuật	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị
24	Viết	<i>Mimusops elengi</i> Linn	Sapotaceae	Cây bị sâu đục thân gây chết khô	Hạn chế trồng trên đường phố trong đô thị